TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN GIỒNG TRÔM** **TỈNH BẾN TRE**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 161/2022/HNGĐ-ST
Ngày: 04-11-2022
V/v: "Ly hôn, tranh chấp nuôi con"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN GIỒNG TRÔM - TỈNH BẾN TRE

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Ngoan
Các Hội thẩm nhân dân: Ông Đỗ Thanh Tuyến
Ông Lê Văn Cảnh

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Giồng Trôm tham gia phiên tòa: Bà Đỗ Thị Hồng Thắm – kiểm sát viên.

Thư ký phiên tòa: Ông Phan Thành Trung – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Giồng Trôm, tỉnh Bến Tre.

Ngày 04 tháng 11 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Giồng Trôm, tỉnh Bến Tre tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số: 319/2022/TLST-HNGĐ ngày 18/8/2022 về việc "Ly hôn, tranh chấp nuôi con" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 268/2022/QĐST-HNGĐ ngày 10 tháng 10 năm 2022 giữa các đương sự:

**Nguyên đơn*: Chị Văn Thị N, sinh năm 1991;
Địa chỉ: ấp 4, xã T, huyện G, tỉnh Bến Tre.
**Bị đơn*: Anh Phan Minh T, sinh năm 1989;
Địa chỉ: ấp 3, xã C, huyện G, huyện G, tỉnh Bến Tre.
(Chị Nhân, anh T vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện, đơn xin giải quyết xét xử vắng mặt, bản tự khai cùng các văn bản, tài liệu chứng cứ cung cấp cho Tòa án, nguyên đơn chị Văn Thị N trình bày:

- Về hôn nhân: Chị và anh T kết hôn vào năm 2017, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Châu Bình, huyện Giồng Trôm, tỉnh Bến Tre. Hôn nhân do tự nguyện. Sau khi kết hôn, thời gian đầu vợ chồng sống hạnh phúc và có 01 con chung, nhưng sau đó phát sinh nhiều mâu thuẫn. Nguyên nhân là do vợ chồng bất đồng quan điểm, áp lực từ gia đình chồng kéo dài, anh T đi làm xa nên chị và con sinh sống tại gia đình cha mẹ ruột tại xã Thuận Điền. Anh chị ly thân từ tháng 01 năm 2022 đến nay. Hiện tại chị Nhân xác định mâu thuẫn giữa chị và anh T không thể giải quyết được, tình cảm vợ chồng không còn, không thể tiếp tục cùng nhau chung sống hạnh phúc nên chị yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị ly hôn với anh T.

- Về con chung: Quá trình chung sống anh chị có một con chung tên Phan A, sinh ngày 23/8/2018, con chung hiện do chị Nhân nuôi dưỡng. Chị Nhân yêu cầu được tiếp tục nuôi con, chị không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung: không có.

- Về nợ chung: không có.

Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành tống đạt thông báo thụ lý vụ án, thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải cho chị Nhân và anh T nhưng anh T đều vắng mặt và cũng không gởi văn bản trình bày ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của chị Nhân.

Tại phiên tòa, đại diện viện kiểm sát nhân dân huyện Giồng Trôm phát biểu:

-Về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, thư ký, Hội đồng xét xử kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước khi Hội đồng xét xử vào nghị án là đúng quy định; việc chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước khi Hội đồng xét xử vào nghị án: Chị Nhân thực hiện đúng quy định tại Điều 70, 71 Bộ luật tố tụng dân sự, anh T chưa thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ quy định tại Điều 70, 72 Bộ luật tố tụng dân sự, vắng mặt theo giấy triệu tập của Tòa án.

- Về nội dung giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Nhân. Về con chung: Đề nghị giao con chung tên Phan A cho chị Nhân tiếp tục nuôi dưỡng. Ghi nhận chị Nhân không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung, nợ chung không có.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào lời trình bày của các đương sự, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Xét thấy đây là vụ án "Ly hôn, tranh chấp nuôi con" thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Giồng Trôm theo quy định tại Điều 28, 35 và 39 Bộ luật Tố tụng dân sự. Chị Nhân có đơn xin giải quyết, xét xử vắng mặt, anh T đã được triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt lần thứ hai tại phiên tòa nên căn cứ quy định tại Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt chị Nhân và anh T.

[2] Về hôn nhân: Theo bản chính giấy chứng nhận kết hôn do chị Nhân cung cấp thể hiện Ủy ban nhân dân xã Châu Bình, huyện Giồng Trôm, tỉnh Bến Tre chứng nhận kết hôn cho chị N và anh T vào ngày 10/7/2017. Đây là hôn nhân hợp pháp, được pháp luật công nhận và bảo vệ. Sau khi cưới nhau, thời gian đầu anh chị sống hạnh phúc, nhưng sau đó phát sinh mâu thuẫn trầm trọng. Theo chị Nhân trình bày nguyên nhân là do vợ chồng bất đồng quan điểm không có tiếng nói chung, áp lực từ gia đình nên vợ chồng không còn hạnh phúc. Vào tháng 02/2022, anh T đã nộp đơn xin ly hôn với chị nhưng sau đó anh T rút đơn khởi kiện nhưng anh chị vẫn không hàn gắn được.

Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã tiến hành mở phiên hòa giải để tạo điều kiện hàn gắn cho anh chị. Tuy nhiên, anh T không đến tham dự phiên hòa giải và cũng không gởi bất kỳ văn bản nào thể hiện ý kiến mong muốn hàn gắn với chị N.

Theo biên bản xác minh thu thập chứng cứ ngày 16/9/2022 của Tòa án nhân dân huyện Giồng Trôm tại Ủy ban nhân dân xã Thuận Điền, huyện Giồng Trôm, tỉnh Bến Tre thể hiện: Theo địa phương được biết thì chị Nhân và con chung của anh chị là bé Phan A hiện đang sinh sống tại xã Thuận Điền, còn anh T không sống chung.

Từ đó có đủ cơ sở khẳng định hôn nhân của chị Nhân và anh T đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy, căn cứ vào Điều 56 của Luật Hôn nhân và Gia đình, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của chị N, cho chị được ly hôn với anh T.

[3] Về con chung: Xét yêu cầu của chị Nhân được nuôi con chung Phan A, Hội đồng xét xử nhận thấy từ trước đến nay, con chung vẫn do chị N nuôi dưỡng, con vẫn được chăm sóc và phát triển bình thường. Đồng thời, trong quá trình giải quyết ly hôn giữa hai anh chị không có thỏa thuận người nuôi con, anh T không có yêu cầu nuôi con chung. Do đó, để tránh gây xáo trộn, ảnh hưởng đến đời sống và tâm lý của trẻ nhỏ nên cần tiếp tục giao cháu An cho chị N tiếp tục nuôi dưỡng là phù hợp. Về việc cấp dưỡng cho con: Ghi nhận chị N không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con.

[4] Về tài sản chung, nợ chung: Chị N khai không có nên Hội đồng xét xử ghi nhận. Do anh T vắng mặt tại Tòa, nếu sau này có tranh chấp về tài sản chung và nợ chung với chị N thì được quyền khởi kiện bằng một vụ án khác.

[5] Về án phí: Chị N phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm là 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) theo quy định tại Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự, các khoản 5, 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội.

[6] Đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Giồng Trôm tại phiên tòa là phù hợp nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ các Điều 28, 35, 39, 147, 227 và Điều 228 Bộ luật Tố tụng Dân sự; Điều 51, 56, 58, 59, 81, 82, 83 và Điều 84 Luật hôn nhân và gia đình; Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án,

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Văn Thị N cụ thể tuyên:

[1] Về hôn nhân: Chị Văn Thị N được ly hôn với anh Phan Minh T.

[2] Về con chung: Giao con chung tên Phan A, sinh ngày 23/8/2018 cho chị Văn Thị N trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi con chung đủ 18 tuổi hoặc đến khi có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật.

Ghi nhận chị Văn Thị N không yêu cầu anh Phan Minh T cấp dưỡng nuôi con.

Anh Phan Minh T có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung, không ai được cản trở.

Vì lợi ích của con, một hoặc cả hai bên có quyền yêu cầu Tòa án quyết định việc cấp dưỡng nuôi con.

Trong trường hợp có yêu cầu của một, cả hai bên hoặc của cá nhân, cơ quan, tổ chức quy định tại khoản 5 Điều 84 của Luật Hôn nhân và gia đình, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con.

[3] Về tài sản chung, nợ chung: không có.

[4] Về án phí: Chị Văn Thị N có nghĩa vụ nộp án phí dân sự sơ thẩm là 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số: 0009085 ngày 18 tháng 8 năm 2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Giồng Trôm, tỉnh Bến Tre. Ghi nhận chị Văn Thị N đã nộp xong án phí.

[5] Về quyền kháng cáo bản án: Chị Văn Thị N, anh Phan Minh T được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre xét xử phúc thẩm.

Nơi nhận:
- VKSND huyện Giồng Trôm;
- TAND tỉnh Bến Tre;
- Chi cục THADS huyện Giồng Trôm;
- Các đương sự;
- UBND xã Châu Bình, huyện Giồng Trôm;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa
(đã ký)

Nguyễn Thị Ngoan